

Sao kê chi tiết từ **07/04/2016** đến **07/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **08/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				1,333,611,469.00		
07/04/2016	07/04/2016	TRAN THI HONG NHUNG MSV 370512 NT	120NT01160980001		1,440,000.00	1,335,051,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGO THI KIM ANH MSV 381019 NT	120NT01160980002		3,600,000.00	1,338,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSV 391330 NT	120NT01160980003		4,320,000.00	1,342,971,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRINH THI ANH MSV 393130 NT	120NT01160980004		4,860,000.00	1,347,831,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NONG THI NGHIEM MSSV:391403 LOP 3914 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	101NT01160980002		3,420,000.00	1,351,251,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TC:VNCN54046.NGUYEN KINH DUC THANG- MSV 371041~NC:NGUYEN THI PHUONG HOA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI PHUONG HOA	001CTD1160980054		360,000.00	1,351,611,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LUU THI QUYNH NGA MSSV 381510 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01160980004		3,600,000.00	1,355,211,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN QUOC HUNG MSSV 370810 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01160980005		2,520,000.00	1,357,731,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI VAN ANH MSSV 390432 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980006		3,240,000.00	1,360,971,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI HANG MSSV: 392767 NOP HOC PHI HOC KI II NAM HOC 2015-2016	102NT01160980002		6,880,000.00	1,367,851,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE HONG DIEP NOP HOC PHI CHO SV LE VIET ANH- MSV:393117	320NT02160980001		5,580,000.00	1,373,431,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TC:K86800160.DAO THI THUY HANG 0985679266 NOP TIEN HOC PHI (MA SO SINH VIEN 392201)~NC:DAO THI THUY HANG 0985679266 - Nguoi chuyen: DAO THI THUY HANG 0985679266	001CTD1160980097		3,420,000.00	1,376,851,469.00

07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI HOAI THUONG 370163 NT	120NT01160980005		540,000.00	1,377,391,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG THI PHUONG LAN MSV 390356 NT	120NT01160980006		3,240,000.00	1,380,631,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI NU MSSV 370861 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01160980009		1,080,000.00	1,381,711,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU THAO ANH MSV 370605 NT	120NT01160980007		1,080,000.00	1,382,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LO THI BIEN MSV 392232 NT	120NT01160980008		3,600,000.00	1,386,391,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI ANH DUONG MSV 380832 NT	120NT01160980009		3,600,000.00	1,389,991,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE KHANH HUYEN MSV 380813 NT	120NT01160980010		3,600,000.00	1,393,591,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN THI BANG MSV 391322 NT	120NT01160980011		3,420,000.00	1,397,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRUONG THI HUONG LIEN MSV 382447 NT	120NT01160980012		2,700,000.00	1,399,711,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI TUONG VI MSV 370149 NT	120NT01160980013		1,800,000.00	1,401,511,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI THU HUONG MSV 391404 NT	120NT01160980014		2,880,000.00	1,404,391,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THIIHOA MSV 372615 NT	120NT01160980015		1,800,000.00	1,406,191,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI NGÀ MSV 370362 NT	120NT01160980016		1,080,000.00	1,407,271,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DAO THI THUY MSV 370249 NT	120NT01160980017		1,620,000.00	1,408,891,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HUYNH LE MY HANH LOP 3722, MSSV 372241 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160980006		1,800,000.00	1,410,691,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN THI HUONG MSSV 370848 NOP HOC KI II (2015-2016)	103NT01160980010		720,000.00	1,411,411,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THANH THAI,MSSV 391064 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	100NT01160980005		3,060,000.00	1,414,471,469.00
07/04/2016	07/04/2016	THIEU THI MINH HUYEN MSV 371904 NT HP	120NT01160980018		2,880,000.00	1,417,351,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN DUY PHUC MSV 380852 NOP HOC PHI	120NT01160980019		3,060,000.00	1,420,411,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN THAO AN MSSV 371530 NT HOC PHI	120NT01160980020		1,440,000.00	1,421,851,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DUONG T.HONG NHUNG MSV 370466 NT	120NT01160980021		2,160,000.00	1,424,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN DUC MINH MSSV 380455 NT HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160980022		3,420,000.00	1,427,431,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN SINH LUC MSV 372228 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980023		1,800,000.00	1,429,231,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LANH THI HANH LINH MSSV 371047 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980011		1,440,000.00	1,430,671,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI MINH MSSV 372848 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980012		1,800,000.00	1,432,471,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI HUYEN MSV 391411 NTHP	120NT01160980024		2,880,000.00	1,435,351,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN LUU QUYNH LIEN MSSV 390622 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980013		2,880,000.00	1,438,231,469.00

07/04/2016	07/04/2016	THIEU THI THU HIEN MSSV 371651 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980025		1,260,000.00	1,439,491,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI HOAI MSSV 390114 NT HOC PHI KY II	120NT01160980026		2,520,000.00	1,442,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	CAO THI HONG NHUNG MSSV 391654 NT HOC PHI	120NT01160980027		2,520,000.00	1,444,531,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU THI THUY LINH MSSV 393005 NT HOC PHI HOC KY II 2015-2016	120NT01160980028		3,060,000.00	1,447,591,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THU HUONG MSSV 381519 NT HOC PHI	120NT01160980029		3,420,000.00	1,451,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI TO UYEN MSSV 372801 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980014		1,800,000.00	1,452,811,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI DIN MSSV 381522 NT HOC PHI	120NT01160980030		3,420,000.00	1,456,231,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TO THI THANH HANG MSSV 372845 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980015		1,800,000.00	1,458,031,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LU VAN HUNG MSV 370701 NT	120NT01160980031		1,980,000.00	1,460,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHUNG THAO HUYEN MSV 390362 NT	120NT01160980032		3,240,000.00	1,463,251,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NOP TIEN HOC PHI HO TEN: PHAM THI HOA MSSV: 391970 LOP CLC 39B	420NT02160980001		14,400,000.00	1,477,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI BICH THUY MSV:392418, LOP:3924-KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160980003		2,880,000.00	1,480,531,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THUY LINH MSSV 372738 NT HP	120NT01160980033		1,800,000.00	1,482,331,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HO THI HONG HANH MSSV 372742 NT HP	120NT01160980034		1,800,000.00	1,484,131,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THUY QUYNH MSV:392424, LOP:3924-KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01160980004		2,880,000.00	1,487,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI THU LOAN MSSV 370534 NT HP	120NT01160980035		1,440,000.00	1,488,451,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI MAI MSSV 370714 NHP	120NT01160980036		540,000.00	1,488,991,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI BAO ANH MSSV 372535 NT HP	120NT01160980037		1,800,000.00	1,490,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN DIEU LINH MSV 372527 NT HP	120NT01160980038		1,800,000.00	1,492,591,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE HAI YEN MSSV 370530 NTHP	120NT01160980039		1,980,000.00	1,494,571,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRIEU NGUYET CAM MSSV 370527 NTHP	120NT01160980040		1,620,000.00	1,496,191,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU THI TUYET MSSV 370864 NT HP	120NT01160980041		1,800,000.00	1,497,991,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN THI THANH TAM MSSV 381613 NT HP	120NT01160980042		3,420,000.00	1,501,411,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN MINH NGUYET MSSV 381652 NTHP	120NT01160980043		2,700,000.00	1,504,111,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN BICH PHUONG MSSV 371162 NTHP	120NT01160980044		1,620,000.00	1,505,731,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN TRONG KHOI MSV 390263 NTHP	120NT01160980045		2,880,000.00	1,508,611,469.00

07/04/2016	07/04/2016	TRAN VAN DUNG MSSV 371624 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980016		1,800,000.00	1,510,411,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DUONG TRAN MINH MSSV 391070 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980017		3,240,000.00	1,513,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TC:VNCN61780.PHAM THUY HA , MSSV: 392459, nop tien hoc phi hoc ky 2~NC:PHAM THUY HA - Nguoi chuyen: PHAM THUY HA	001CTD1160980258		2,160,000.00	1,515,811,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN VAN ANH MSV 370538 NTHP	120NT01160980049		1,080,000.00	1,516,891,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHUNG PHI HUNG MSV 380917 NT HP	120NT01160980050		3,600,000.00	1,520,491,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THUY GIANG MSSV 393001 NT HP	120NT01160980051		3,060,000.00	1,523,551,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGO THI NHAT ANH MSSV 390654 NT HP	120NT01160980052		2,880,000.00	1,526,431,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRUONG THI QUYNH MSV 391340 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980053		2,700,000.00	1,529,131,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG NGOC ANH MSSV 382251 NT HP	120NT01160980054		3,240,000.00	1,532,371,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN KIEU LY MSSV 382255 NT HOC PHI	120NT01160980055		3,240,000.00	1,535,611,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHUONG HOANG DUC CONG MSSV 370338 NOP HOC PHI	120NT01160980056		2,340,000.00	1,537,951,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THUY THUONG MSV 390914 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980057		2,880,000.00	1,540,831,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI THUY LINH MSV 370707 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980059		540,000.00	1,541,371,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NONG THI QUYNH MSV 392136 NTHP	120NT01160980060		3,420,000.00	1,544,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI THU TRANG MSV 392125 NTHP	120NT01160980061		3,060,000.00	1,547,851,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI KIM NGAN MSSV 371033 NTHP	120NT01160980062		1,440,000.00	1,549,291,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI HONG VAN MSV 372861 NTHP	120NT01160980066		1,800,000.00	1,551,091,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DO TUAN LINH MSV: 392041 NT HP	120NT01160980067		3,060,000.00	1,554,151,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG THI THU HUE MSV: 392070 NT HP	120NT01160980068		3,060,000.00	1,557,211,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI PHUONG LINH MSV: 370541 NT HP	120NT01160980069		1,800,000.00	1,559,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	SAM THI HUYEN 370643 NOP TIEN HOC PHI KY 2.2016~NC:TECHCOM BANK - Nguoi chuyen: TECHCOM BANK	001CTD1160980336		360,000.00	1,559,371,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LY THI CHUYEN MSSV:371945 KHOA 37 LOP 3719 NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01160980011		2,160,000.00	1,561,531,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI NGOC HUYEN MSSV:371844 LOP 3718 NOP HOC PHI HE DAI HOC CHINH QUY HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01160980012		1,800,000.00	1,563,331,469.00

07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI TUYET CHINH MSSV 370854 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980019		1,800,000.00	1,565,131,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LOC THI ANH HUYEN MSSV 371108 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980020		900,000.00	1,566,031,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN HONG HANH MSSV 371229 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980021		900,000.00	1,566,931,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI KHANH LY - MSSV 381814 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980022		3,600,000.00	1,570,531,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU VIET KHANH MSV 382750 NTHP	120NT01160980071		6,450,000.00	1,576,981,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THANH DAT MSV: 371633 NT HP	120NT01160980073		3,060,000.00	1,580,041,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN HUY HOANG MSSV 392830 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980023		2,160,000.00	1,582,201,469.00
07/04/2016	07/04/2016	MAI THI THUY MSSV 381965 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980024		3,600,000.00	1,585,801,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG VAN LAI MSSV 370111 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980025		1,980,000.00	1,587,781,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DOAN KHANH LY MSSV 370451 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980026		2,520,000.00	1,590,301,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE PHUONG LINH VY MSSV 382843 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980027		6,450,000.00	1,596,751,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI THUY MSSV 390713 NOP HOC PHI HOC KI II NAM HOC 2015-2016	103NT01160980028		2,900,000.00	1,599,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU THUC CHI MSSV 392845 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160980029		2,160,000.00	1,601,811,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI MAI.MSSV: 380217.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980074		3,060,000.00	1,604,871,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BAN THI VIET HUONG.MSSV: 370245 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980075		360,000.00	1,605,231,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LUONG NGOC TUYET.MSSV: 371607.NTHP	120NT01160980076		900,000.00	1,606,131,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI THI HONG YEN MSV: 370424 NT HP	120NT01160980077		3,780,000.00	1,609,911,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE BICH NGA-MSSV:391972.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980078		2,880,000.00	1,612,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN VIET TIEP ANH MSV: 392059 NT HP	120NT01160980079		2,880,000.00	1,615,671,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRINH TRI DUC MSV: 391974 NT HP	120NT01160980080		2,880,000.00	1,618,551,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN THI PHUONG MSV: 370562 NT HP	120NT01160980081		1,800,000.00	1,620,351,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI HA - NOP HOC PHI KY II/2015 - 2016 MSSV: 390612 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-NC:NGUYEN THI HA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HA	001CTD1160980451		3,420,000.00	1,623,771,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI DIEM HOA - NOP HOC PHI KY II/2015 - 2016 MSSV: 380727 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-NC:NGUYEN THI DIEM HOA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI DIEM HOA	001CTD1160980453		3,060,000.00	1,626,831,469.00

07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN CHI ANH - 370174 NT	105NT01160980019		3,240,000.00	1,630,071,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE ANH NGOC MSV: 382651 NT HP	120NT01160980082		2,700,000.00	1,632,771,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LA NONG DUONG MSV: 371602 NT HP	120NT01160980083		540,000.00	1,633,311,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI HUYEN TRANG MSV: 382650 NT HP	120NT01160980084		2,700,000.00	1,636,011,469.00
07/04/2016	07/04/2016	CHU HUYEN TRANG MSV: 370569 NT HP	120NT01160980085		1,800,000.00	1,637,811,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI NGOC LY MSV: 392611 NT HP	120NT01160980086		2,160,000.00	1,639,971,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI CHINH MSV: 382339 NT HP	120NT01160980088		2,700,000.00	1,642,671,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN TRANG LY MSV: 370815 NT HP KII	120NT01160980089		1,440,000.00	1,644,111,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI KIEU TRANG MSV: 382844 NT HP	120NT01160980090		2,700,000.00	1,646,811,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LA THI NGOC BICH MSV: 392701 NT HP	120NT01160980091		2,880,000.00	1,649,691,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN ANH QUANG. MSV:382453.NTHP	120NT01160980092		6,450,000.00	1,656,141,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VI THU HOAI MSV: 371045 NT HP	120NT01160980093		360,000.00	1,656,501,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN HOANG ANH MSV: 392561 NT HP	120NT01160980094		2,160,000.00	1,658,661,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG THI HUONG.MSSV: 371608	120NT01160980095		1,440,000.00	1,660,101,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN THANH HIEN MSV: 392558 NT HP	120CT01160980003		2,160,000.00	1,662,261,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VUONG THUY LINH.MA SV: 382643. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980096		2,700,000.00	1,664,961,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DANG THUY HANG MSV: 392552 NT HP	120NT01160980097		2,160,000.00	1,667,121,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI NGAN.MA SV:382642. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980098		6,450,000.00	1,673,571,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THU THUY MSV: 391518 NT HP	120NT01160980099		3,780,000.00	1,677,351,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DO MINH THU MSV: 391516 NT HP	120NT01160980100		2,520,000.00	1,679,871,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI LINH DAN MSV: 391716 NT HP	120NT01160980101		3,240,000.00	1,683,111,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THUY LINH.MSSV: 371702. NTHP	120NT01160980103		2,160,000.00	1,685,271,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG DIEU HIEN.MSSV:371711- NTHP	120NT01160980104		2,520,000.00	1,687,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	MA KIEU DIEM.MSSV:381614 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980105		3,600,000.00	1,691,391,469.00
07/04/2016	07/04/2016	BUI KHANH HUYEN.MSSV: 371211-NTHP	120NT01160980106		900,000.00	1,692,291,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DO THANH HUNG.MSV: 370576.NTHP	120NT01160980107		2,160,000.00	1,694,451,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TAO THI LIEN CHAU.MSSV: 372075. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160980108		1,800,000.00	1,696,251,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LUONG THI Y NHU MSSV 390235 NT HP	120NT01160980109		2,520,000.00	1,698,771,469.00
07/04/2016	07/04/2016	ĐANG THU HA MSSV 382706 NTHP	120NT01160980110		2,700,000.00	1,701,471,469.00
07/04/2016	07/04/2016	HOANG THI QUYNH MSSV 370868 NT HP	120NT01160980111		1,080,000.00	1,702,551,469.00

07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSSV 391245 NT HP	120NT01160980113		3,240,000.00	1,705,791,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LUU THI TRAM ANH MSV 381844 NT	120NT01160980114		3,600,000.00	1,709,391,469.00
07/04/2016	07/04/2016	DO THI THU HIEN MSV 370650 NT	120NT01160980115		1,260,000.00	1,710,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	VU THI HA TRANG MSV 382229 NT	120NT01160980116		3,240,000.00	1,713,891,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM HONG MINH MSV 382357 NT	120NT01160980117		2,700,000.00	1,716,591,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN THI PHUONG HUE MSSV 381728	120NT01160980118		3,600,000.00	1,720,191,469.00
07/04/2016	07/04/2016	NGUYEN KIM THUY MSSV 391562 HOC PHI KY II (2015-2016)	103CT01160980003		14,400,000.00	1,734,591,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAN LINH CHI MSSV 392351 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160980031		2,160,000.00	1,736,751,469.00
07/04/2016	07/04/2016	LE THI PHUONG ANH MSSV: 371542 NOP HOC PHI	330NT02160980002		900,000.00	1,737,651,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI KHANH NINH MSSV: 371828 NOP HOC PHI	330NT02160980003		1,080,000.00	1,738,731,469.00
07/04/2016	07/04/2016	PHAM THI PHUONG ANH.MSSV: 381021.LOP 3810.KHO 38.NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160980119		3,420,000.00	1,742,151,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRINH THI BAN MAI.MSSV: 381167 NOP TIEN HOC	120NT01160980120		3,780,000.00	1,745,931,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRAN NHAT HA.MSSV: 381255	120NT01160980121		1,440,000.00	1,747,371,469.00
07/04/2016	07/04/2016	TRINH THI TAM MSSV 371326 LOP 3713 NOP TIEN HOC PHI	101NT01160980018		360,000.00	1,747,731,469.00
Cộng doanh số Total					414,120,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,747,731,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.
 Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **07/04/2016** đến **07/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng : **99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **08/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance						1,429,958,803.00
07/04/2016	07/04/2016	CHI HOC BONG SV LOP CLC K39 THEO DS DINH KEM	120n070160980001	76,500,000.00		1,353,458,803.00
Cộng doanh số Total				76,500,000.00		
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,353,458,803.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát